

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRƯƠNG VĂN CƯỜNG

CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN VÀ ĐÔ THỊ HÓA
Ở MỘT XÃ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành: Dân tộc học
Mã số: 60 22 70

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Văn Sửu

Hà Nội - 2011

LỜI CAM ĐOAN

Là tác giả của luận văn có tựa đề **Các dự án phát triển và đô thị hóa ở một xã miền núi phía Bắc Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai**. Tôi xin cam đoan đây là kết quả của một quá trình làm việc nghiêm túc của tôi trong khuôn khổ chương trình đào tạo thạc sỹ chuyên ngành Dân tộc học ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hà Nội Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Ký tên

Trương Văn Cường

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tôi muốn gửi lời biết ơn chân thành đến người dân và cán bộ xã Nghĩa Đô, đặc biệt là gia đình ông Hoàng Văn Bổng và ông Ma Thanh Sợi, đã nhiệt tình hỗ trợ, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu điền dã vào năm 2010 ở địa phương. Tôi xin bày tỏ lời cảm ơn những người cung cấp thông tin ở Nghĩa Đô, đặc biệt là những cán bộ địa phương và một số người dân đã cung cấp những thông tin và các nguồn tài liệu thành văn của xã, thôn và các tổ chức chính trị xã hội ở Nghĩa Đô để tôi có thể hoàn thành luận văn này.

Đặc biệt nghiên cứu của tôi sẽ không thể thành hiện thực nếu không có sự hướng dẫn nghiêm túc và chỉ bảo tận tình của thầy Nguyễn Văn Sửu, người hướng dẫn khoa học cho tôi để tôi có thể hoàn thành luận văn này. Bên cạnh thầy giáo hướng dẫn, tôi còn nhận được sự chỉ bảo, góp ý của Tiến Sĩ Christian Culas và một số cán bộ của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai, anh Nam, anh Mạnh và chị Thom.

Ngoài ra, tôi còn nhận được sự giúp đỡ của một số phòng ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên trong quá trình khai thác tài liệu ở huyện về các chương trình, dự án phát triển đã đầu tư vào Nghĩa Đô và các tài liệu liên quan đến vấn đề quy hoạch trung tâm cụm Nghĩa Đô. Một lần nữa, tôi xin

chân thành cảm ơn các cá nhân, những người bạn, đồng nghiệp và các tổ chức đã giúp đỡ tôi.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn các thầy giáo, cô giáo trong Khoa Lịch Sử và Bộ môn Nhân học trường ĐHKHXH & Nhân Văn – ĐHQGHN đã chỉ bảo tôi từ khi bắt đầu bước vào giảng đường đại học đến nay.

Hà Nội Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Ký tên

Trương Văn Cường

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN VÀ ĐÔ THỊ HÓA Ở KHU VỰC MIỀN NÚI	5
1.1. Khái niệm và một số vấn đề về đô thị hóa	5
1.1.1. Khái niệm	5
1.1.2. Một số khuynh hướng đô thị hóa	6
1.2. Khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam	7
1.3. Phát triển ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam	9
1.3.1. Chính sách phát triển của Nhà nước	9
1.3.2. Các chương trình và dự án phát triển	10
<i>Tiểu kết</i>	11
CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ XÃ NGHĨA ĐÔ, HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI	12
2.1. Người Tày ở xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	12

2.1.1. Vài nét về người Tày ở Việt Nam và ở khu vực miền núi phía Bắc	12
2.1.2. Người Tày ở huyện Bảo Yên và ở tỉnh Lào Cai	12
2.1.3. Người Tày ở xã Nghĩa Đô	13
2.1.4. Vài nét về truyền thống văn hóa Tày ở xã Nghĩa Đô	13
2.2. Vùng đất Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	13
2.2.1. Lịch sử vùng đất Nghĩa Đô	13
2.2.2. Điều kiện tự nhiên Nghĩa của xã Nghĩa Đô	15
2.2.3. Một số nét chính về kinh tế - xã hội xã Nghĩa Đô	16
<i>Tiểu kết</i>	16
CHƯƠNG 3: CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN Ở XÃ NGHĨA ĐÔ, HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI	17
3.1. Chương trình 135	17
3.1.1. Chương trình 135I	17
3.1.1.1. Xây dựng hệ thống cầu	18

<i>3.1.1.2. Nâng cấp các tuyến đường giao thông</i>	18
<i>3.1.1.3. Xây dựng và nâng cấp hệ thống thủy lợi</i>	19
<i>3.1.1.4. Phát triển sản xuất và đào tạo nghề</i>	19
3.1.2. Chương trình 135II	20
3.1.3. Một số tồn tại hạn chế Chương trình 135	20
3.2. Chương trình 134	20
3.3. Dự án 661 và Dự án 327	21
3.4. Một số dự án khác	21
<i>Tiểu kết</i>	21
CHƯƠNG 4: QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở XÃ NGHĨA ĐÔ, HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI	23
4.1. Mục tiêu xây dựng và phát triển khu trung tâm	23
4.2. Quá trình xây dựng khu trung tâm xã Nghĩa Đô	24
4.2.1. Sự phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng	24
4.3. Sự hình thành một thị tứ ở khu vực miền núi vùng cao	24

4.3.1. Một trung tâm hành chính, văn hóa và giáo dục	24
4.3.2. Một trung tâm kinh tế, thương mại và dịch vụ	24
4.3.3. Sự tập trung dân cư	25
4.3.4. Một số tác động	25
Tiểu kết	25
Kết luận	26

MỞ ĐẦU

1. Mục đích nghiên cứu

Kể từ khi đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã thực hiện hàng loạt các chủ trương, chính sách nhằm phát triển khu vực nông thôn nói chung, khu vực nông thôn miền núi phía Bắc nói riêng nhằm phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Trong luận văn này, mục đích chính của tác giả là tìm hiểu các về việc thực hiện các dự án phát triển và quá trình đô thị hóa ở một địa bàn cụ thể, đó là xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai trong hơn một thập kỷ vừa qua. Thông qua nghiên cứu trường hợp này, tôi hy vọng kết quả của luận văn góp phần nhỏ bé vào việc làm rõ hơn về việc thực hiện các dự án phát triển và mối quan hệ giữa phát triển với đô thị hóa ở khu vực nông thôn miền núi.

2. Câu hỏi nghiên cứu

Với mục tiêu đó, nghiên cứu này đặt ra một loạt các câu hỏi nghiên cứu cụ thể.

Thứ nhất là về những đặc điểm cơ bản về xã Nghĩa Đô:

Thứ hai, về các dự án phát triển:

Thứ ba là về quá trình đô thị hóa ở Nghĩa Đô:

- Ở Nghĩa Đô đã thực sự có một quá trình đô thị hóa chưa?
- Tính đô thị hóa được thể hiện qua những đặc điểm gì?
- Những nhân tố nào đã tác động tới quá trình hình thành đô thị ở đây?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn này là việc thực hiện các dự án phát triển và sự hình thành tính đô thị, hay nói cách khác là mối quan hệ giữa các dự án phát triển và quá trình đô thị hóa ở một xã miền núi vùng cao trong hơn 10 năm qua, nơi là địa bàn sinh sống của 5 dân tộc: Tày, Hmông, Dao, Kinh và Nùng. Trên cơ sở nghiên cứu một xã, luận văn này tập trung chủ yếu vào trung tâm xã Nghĩa Đô, địa bàn nằm trong vùng quy hoạch thị tứ gồm có bản Nà Đình, một phần bản Nà Khương và một số hộ bản Rĩa.

4. Phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Để thu thập được các tài liệu dân tộc học trên thực địa, tác giả đã sử dụng những phương pháp nghiên cứu thông thường của nghiên cứu Nhân học và Dân tộc học, như quan sát tham gia, phỏng vấn sâu, thống kê và khai thác các báo cáo, văn bản về lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh, huyện, của xã, thôn (bản) được nghiên cứu.

4.2. Cách tiếp cận

Một vấn đề quan trọng ở đây là cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu. Khi các dự án phát triển đầu tư vào những vùng khó khăn, đã làm thay đổi các cộng đồng tộc người và địa bàn được thụ hưởng dự án. Đối với quá trình đô thị hóa ở một xã vùng cao dưới tác động của các dự án phát triển, cách giúp chúng ta phân tích và lý giải những biến đổi đó dưới góc độ không gian và cấu trúc. Cho nên tôi sử dụng cách tiếp cận không gian kết hợp với cách tiếp cận cấu trúc để phân tích những nhân tố tác động của các dự án phát triển đến quá trình đô thị hóa tại địa bàn nghiên cứu.

5. Nguồn tài liệu

Trong nghiên cứu này, tôi sử dụng 3 nguồn tài liệu chính.

- Tài liệu nghiên cứu dưới dạng các báo cáo, bài và sách nghiên cứu đã được công bố hoặc các luận văn, luận án.
- Tư liệu điền dã thu được trong quá trình điền dã ở Nghĩa Đô.
- Những tài liệu thành văn dưới dạng các bảng tổng kết, báo cáo, chỉ thị, văn bản, v.v... của các cơ quan chức năng cấp xã, huyện, tỉnh, trung ương và sổ ghi chép của các bí thư bản, trưởng bản.

6. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn gồm có 4 chương. Cụ thể, Chương 1 tổng quan tài liệu nghiên cứu về các dự án phát triển và đô thị hóa. Chương 2 giới thiệu về địa bàn và cộng đồng được nghiên cứu, về đặc điểm của người Tày ở Việt Nam và ở Nghĩa Đô, về quá trình hình thành vùng đất Nghĩa Đô.

Chương 3 mô tả và phân tích về các dự án phát triển ở địa bàn nghiên cứu. Chương này đi sâu vào tìm hiểu các chương trình, các dự án phát triển đã được thực hiện ở Nghĩa Đô trong suốt những năm qua, trong đó các hạng mục đầu tư như điện, đường, trường, trạm, nước sạch, vay vốn làm ăn, v.v...cùng với đó là khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ và nhân dân. Sự đầu tư này đã làm thay đổi căn bản hệ thống cơ sở hạ tầng và đời sống kinh tế người dân nơi đây.

Chương 4 trình bày về quá trình đô thị hóa ở địa bàn nghiên cứu. Chương này tập trung vào những tác động của các dự án phát

triển diện sự hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng và chính sách quy hoạch của chính quyền địa phương nơi đây là nguyên nhân dẫn đến quá trình đô thị hóa ở đây bắt đầu diễn ra, dù còn ở mức ban đầu. Trung tâm xã Nghĩa Đô trở thành nơi thu hút dân cư ở các bản trong xã và khắp nơi đến đây định cư và sinh sống. Sự tập trung này dẫn đến quá trình hình thành một trung tâm thương mại và dịch vụ ở đây ngày càng phát triển. Sự tập trung dân cư, hình thành khu thương mại dịch vụ đã ít nhiều tác động đến sự biến đổi cầu nhà cửa, lối sống của người dân nơi đây, đặc biệt là sự biến đổi trong cấu trúc nhà truyền thống người mát đi, thay thế vào đó là loại hình nhà mới, nguyên liệu mới.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VỀ CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN VÀ ĐÔ THỊ HÓA Ở KHU VỰC MIỀN NÚI

1.1. Khái niệm và một số vấn đề về đô thị hóa

1.1.1. Khái niệm

Đô thị hóa: Đô thị hóa được xem là một quá trình tất yếu trong phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều quốc gia trên thế giới. Lịch sử loài người cho đến nay đã chứng kiến ba cuộc cách mạng đô thị. Cuộc cách mạng đô thị lần thứ nhất diễn ra từ 8.000 năm trước Công Nguyên, đó là thành phố Jericho, nằm ở phía bắc biển chết thuộc vùng đất Ixaren ngày nay với dân số khoảng 600 người. Cuộc cách mạng đô thị lần thứ hai bắt đầu từ giữa thế kỷ XVIII ở Châu Âu và sau đó lan sang Bắc Mỹ, là hệ quả tất yếu của quá trình công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa từ thời kỳ này. Cuộc cách mạng đô thị lần thứ ba dường như là sự lặp lại cuộc cách mạng đô thị lần thứ hai. Đặc điểm nổi bật xuyên suốt ba cuộc cách mạng đô thị hóa này là: các dòng di cư mạnh mẽ từ nông thôn vào đô thị, khiến cho tỷ lệ dân đô thị tăng nhanh, số lượng các đô thị ngày càng nhiều, các đô thị lớn lên, phình to ra, đời sống dân cư mang tính đô thị nhiều hơn nông thôn, đô thị đang xâm lấn, bành trướng nông thôn.

Nếu tiếp cận theo nhân khẩu học và địa kinh tế, thì đô thị có thể được định nghĩa: quá trình đô thị hóa là sự di cư từ nông thôn ra thành thị, là sự tập trung ngày càng nhiều số lượng dân cư sống trong những vùng lãnh thổ địa lý hạn chế được gọi là đô thị. Khái quát hơn, đô thị hóa được xem là các quá trình tổ chức lại môi

trường cư trú của con người, ở đó bên cạnh dân số, địa lý môi trường còn có mặt xã hội, một mặt rất quan trọng của vấn đề. Ở một góc nhìn khác, đô thị hóa là cái không rộng lớn, tên đó diễn ra những biến đổi to lớn và sâu rộng trong đời sống xã hội, đời sống của các cộng đồng nông thôn và đô thị. Như vậy, đô thị hóa không chỉ thay đổi sự phân bố dân cư trong xã hội, mà còn chuyển thể nhiều kiểu mẫu trong khuôn mẫu hành vi, ứng xử vốn là những đặc trưng của người dân đô thị, sự lan truyền lối sống đô thị hay các quan hệ văn hóa đô thị tới các vùng nông thôn và trên toàn xã hội nói chung.

Có rất nhiều cách nhìn nhận về đô thị hoá ở Việt Nam, mỗi nhà nghiên cứu lại có một quan điểm riêng khi họ khai thác những khía cạnh khác nhau. Ở đây, tôi muốn đề cập đến nhận định của GS. Phan Đại Doãn. Ông cho rằng “*Thị tứ là các tụ điểm kinh tế - xã hội, là một điểm tụ cư, có quy mô bao gồm cả chợ và phố (hoặc cả bên), có mối liên kết với các trung tâm kinh tế - xã hội xung quanh. Cấu trúc kinh tế của thị tứ mang tính đa ngành, trong đó thương nghiệp có một vị trí quan trọng.*”

Như vậy, chúng ta có thể coi đô thị hóa là một quá trình tập trung dân cư ngày càng đông vào các đô thị và làm nâng cao vai trò của thành thị đối với sự phát triển của xã hội, sự chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang các hoạt động phi nông nghiệp, sự phát triển cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, dịch vụ cùng với sự hình thành những lối sống khác với lối sống nông thôn nông nghiệp.

Trong luận văn này, từ những góc nhìn khác nhau về đô thị hoá ở các địa bàn khác nhau, tôi quan niệm đô thị hóa ở Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai cần được hiểu là một quá trình trong đó tính đô thị được hình thành và phát triển dưới tác động của các dự án phát triển, chính sách quy hoạch của Nhà nước và chính quyền địa phương dẫn đến sự phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng, thu hút dân cư; xuất hiện trung tâm buôn bán – thương mại và hình thành một trung tâm văn hóa – du lịch, giáo dục, y tế, làm biến đổi không gian từ không phải đô thị đã bước đầu trở thành đô thị. Hiểu về đô thị hóa theo cách này giúp tôi phân tích và lý giải về quá trình đô thị hóa ở Nghĩa Đô dưới tác động của các dự án phát triển của Nhà nước ở khu vực này trong những năm vừa qua.

1.1.2. Một số khuynh hướng đô thị hóa

Thứ nhất, đô thị hóa theo các tuyến thương mại, dịch vụ, tuyến giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không. Đây là các tuyến thu hút đầu tư để hình thành các khu công nghiệp và di chuyển hàng hóa, lao động cũng như phát triển các thị tứ nhằm thực hiện nhiều loại hình dịch vụ khác nhau (nhà trọ, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ sinh hoạt...) tại các vùng nông thôn ở đồng bằng và miền núi.

Thứ hai là đô thị hóa theo các vòng tròn (hay vành đai) lý tâm tại các thành phố lớn. Đây là quá trình đô thị hóa vùng ven đô các thành phố. Tác nhân là sự phát triển của kết cấu hạ tầng đô thị cũng như lối sống từ trung tâm tỏa ra bốn hướng ven đô, đặc biệt là sự phát triển của các cơ sở công nghiệp, dịch vụ. Việc hình thành các vành

đại thể hiện xu hướng phát triển đô thị theo những vòng tròn ly tâm song vẫn quy tâm về trung tâm thành phố.

Thứ ba là khuynh hướng đô thị hóa theo hướng hình thành các đô thị nhỏ ở dưới hình thức các thị tứ hay các trung tâm buôn bán, công nghiệp và dịch vụ các vùng nông thôn cách xa thành phố lớn dưới tác động của các chính sách của Nhà nước hay trên cơ sở các nhu cầu nội tại của các công đồng địa phương. Tài liệu nghiên cứu về khuynh hướng đô thị hóa này còn ít, vì thế nghiên cứu của tôi có thể được coi là một đóng góp không chỉ về tài liệu dân tộc mà còn là một điểm chấm làm rõ hơn những hiểu biết của chúng ta về quá trình đô thị hóa theo hướng này ở khu vực miền núi các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam.

2.2. Khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam

Miền núi Bắc Bộ giáp với 3 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam của Trung Quốc ở phía bắc, phía tây giáp Lào, phía nam giáp Đông bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ, phía đông giáp Vịnh Bắc Bộ. Là khu vực có khí hậu đa dạng, địa hình phức tạp nhất nước, với những dãy núi cao, sông dốc, các thung lũng nhỏ. Dân số toàn vùng là 11.095.200 người. Đây là địa bàn cư trú của 29 dân tộc, phân bố trên 15 tỉnh, trong đó có khoảng 7,5 triệu là người dân tộc thiểu số. Những dân tộc có số lượng dân cư đông như Tây, Nùng và H'mông chủ yếu tập trung ở khu vực Đông Bắc, trong khi người Thái, Mường chủ yếu tập trung ở khu vực Tây Bắc. Cùng với đó, ở trung tâm các tỉnh, huyện là nơi tập trung chủ yếu của người Kinh. Hiện nay khu vực trung du và miền núi phía Bắc có 15 tỉnh thành,

dân số 11095,2 nghìn người (năm 2009), đông nhất là tỉnh Bắc Giang có 1560,2 nghìn người, ít nhất là Bắc Cạn có 295,3 nghìn người. Với vị trí địa lý đặc biệt, giáp với Thượng Lào và có thể giao lưu thuận lợi bằng đường sắt và đường ô tô với các tỉnh phía Nam Trung Quốc qua các cửa khẩu Lạng Sơn, Lào Cai và Móng Cái.

1.3. Phát triển ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam

1.3.1. Chính sách phát triển của Nhà nước đối với khu vực miền núi phía Bắc

Trước hết tác giả muốn phân tích về nội hàm của khái niệm “phát triển” có thể được hiểu một cách đơn giản là quá trình biến đổi từ nghèo đến giàu, hoặc được hiểu là các cố gắng cải thiện các điều kiện sống cho con người, chú trọng đến đời sống của người dân như nâng cao mức sống, xây dựng khả năng, khuyến khích sự tham gia của địa phương vào hoạch định và thực hiện chính sách.

Phát triển luôn hàm ý bao gồm nhiều nhóm và chú trọng đến nhiều cấp độ, bao gồm cả cấp độ địa phương, cộng đồng. Phát triển cũng bao gồm nhiều chiều cạnh khác nhau: nhà ở, vệ sinh, y tế, nước sạch, giáo dục, an toàn lương thực, bảo tồn, việc làm, tăng quyền dân chủ, xóa đói giảm nghèo, khả năng gây ảnh hưởng đối với hoạch định chính sách và nhiều vấn đề khác. Mục tiêu phát triển ở khu vực miền núi của Đảng và Nhà nước ta “là tạo điều kiện cần thiết để xóa bỏ tận gốc sự chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc ít người, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp, làm cho tất cả các dân tộc đều có cuộc sống ấm no, văn minh

và hạnh phúc, đều phát triển kinh tế về mọi mặt, đoàn kết và giúp đỡ nhau tiến bộ”.

“Chính sách phát triển” là những những nỗ lực và định hướng được thể hiện bằng các hành động của Nhà nước và các tổ chức khác nhằm đạt đến một mục tiêu phát triển cụ thể về kinh tế, xã hội hoặc văn hóa, hay là tổng thể những lĩnh vực trên. Các chính sách có thể được áp dụng trong toàn quốc với tất cả các đối tượng, nhưng có thể chỉ giới hạn trong một khu vực địa lý nhất định, hay một nhóm đối tượng cụ thể.

1.3.2. Các chương trình và dự án phát triển ở khu vực miền núi phía Bắc

Chương trình phát triển được hiểu là các hoạt động cụ thể ở cấp độ vĩ mô (lớn hơn dự án phát triển) được thực hiện nhằm mục đích thay đổi kinh tế, xã hội, hay văn hóa của một nhóm đối tượng trên một địa bàn cụ thể. Trong khi đó, dự án phát triển là những các hoạt động cụ thể ở cấp độ vi mô (nhỏ hơn chương trình phát triển) được triển khai nhằm mục đích thay đổi kinh tế, xã hội, hay văn hóa của một nhóm đối tượng ở một địa bàn cụ thể².

Trong những năm vừa qua, đặc biệt là trong thời sau thời kỳ đổi mới năm 1986 đến nay, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính

¹ Thuyết trình của hội đồng Dân tộc của Quốc Hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi trong kế hoạch Nhà nước năm 1985 (*Do ông Hoàng Trường Minh, Chủ tịch Hội đồng dân tộc của Quốc hội trình bày tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa VII, ngày 24-12-1984*).

² Sau đây ở những chỗ không cần thiết phải phân biệt rạch ròi giữa *chương trình phát triển* với *dự án phát triển* thì tôi sử dụng khái niệm dự án phát triển như một khái niệm chung cho chương trình phát triển với dự án phát triển.

sách, đầu tư tạo điều kiện nhằm phát triển về nhiều mặt khu vực miền núi dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Trong đó nổi bật hơn cả là các Chương trình 327, Chương trình 661, Chương trình 135 I và II, Chương trình 134, Quyết định số 168, 186, 173 và nhiều dự án khác đã được triển khai trên nhiều địa bàn cụ thể.

Triển kết

Phát triển khu vực miền núi là một trong những mục tiêu quan trọng của Đảng và Nhà nước. Khu vực miền núi phía Bắc nước ta, chính vì trí địa lý, sự đa dạng về địa hình, tộc người, trình độ phát triển kinh tế tạo cho nó trở thành một khu vực quan trọng, cần phải đầu tư phát triển. Trong hơn hai thập kỷ vừa qua, Đảng và Nhà nước đã tiến hành thực hiện hành loạt dự án phát triển ở khu vực này và đạt được những kết quả quan trọng về an ninh quốc phòng, về phát triển kinh tế, đặc biệt là về xóa đói giảm nghèo. Đồng thời, chính việc thực hiện và triển khai các dự án phát triển cũng góp phần làm cho tình đô thị và quá trình đô thị hóa xuất hiện và phát triển ở một số địa bàn.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ XÃ NGHĨA ĐÔ, HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

2.1. Người Tày ở xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

2.1.1. *Vai nét về người Tày ở Việt Nam và khu vực miền núi phía Bắc*

Là một cộng đồng dân tộc có dân số đông nhất trong số các dân tộc thiểu số ở nước ta (1.626.392 người vào năm 2009), không gian sống phủ khắp vùng Đông Bắc và một phần Tây Bắc nước ta.

Theo bản danh mục các thành phần dân tộc ở Việt Nam do tổng cục thống kê ban hành năm 1979, dân tộc Tày có 4 nhóm địa phương khác nhau là Pa Dí, Thu Lao, Ngạn và Phén.

2.1.2. *Người Tày ở huyện Bảo Yên và ở tỉnh Lào Cai*

Theo thông tin từ Công thông tin điện tử của tỉnh Lào Cai thì kết quả điều tra dân số ngày 1-4-2009 cho thấy dân số tỉnh là 614.075 người, trong đó người Tày có số dân 94.243 người năm 2009 tăng 12.577 người so với năm 1999, chiếm 5,8% tổng số người Tày trên cả nước cư trú ở nhiều nơi trên tỉnh. Kết quả thống kê năm 2009 cho biết dân số toàn tỉnh là 614.075 người, chiếm 5,5% dân số vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và chiếm 0,7% dân số cả nước.

2.1.3. Người Tày ở xã Nghĩa Đô

Nghĩa Đô là một trong 17 xã của huyện Bảo Yên³ xã Nghĩa Đô là khu vực sinh sống của 5 dân tộc Tày, Kinh, Dao, Hmông, Nùng. Ở Nghĩa Đô, theo thống kê của Ủy ban nhân dân xã thì dân số của dân tộc Tày vào năm 2010 gồm có 879 hộ, 4.852 khẩu, chiếm 98% tổng dân số toàn xã. Như vậy, trong khi được coi là dân tộc đa thiểu số ở Việt Nam, thì ở xã Nghĩa Đô, người Tày lại là dân tộc đa số, là nhóm cư dân tạo nên những các hoạt động kinh tế và bản sắc văn hóa của xã Nghĩa Đô.

2.1.4. Vài nét về truyền thống văn hóa Tày ở Nghĩa Đô

Dân tộc Tày là dân tộc có lịch sử cư trú lâu đời nhất và chiếm đa số ở Nghĩa Đô. Người Tày ở Nghĩa Đô là nhóm Tày nằm trên tuyến đệm giữa Tày - Nùng ở vùng Đông Bắc và Tày - Thái vùng Tây Bắc. Đại bộ phận về phong tục tập quán, tín ngưỡng mang đậm nét chung của người Tày miền Bắc. Tuy nhiên người Tày ở Nghĩa Đô có nét văn hóa đặc trưng riêng biệt, không giống với Tày ở vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc, mà người Tày ở đây có sự hòa trộn, kết hợp hài hòa giữa đặc trưng văn hóa của hai vùng

2.2. Vùng đất Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

2.2.1. Lịch sử vùng đất Nghĩa Đô

³ Hiện nay huyện Bảo Yên có 1 Thị trấn và 17 xã gồm có: xã Long Khánh, xã Long Phúc, xã Việt Tiến, xã Lương Sơn, xã Yên Sơn, xã Xuân Thưng, xã Minh Tân, xã Bảo Hà, xã Cam Con, xã Kim Sơn, xã Điện Quan, xã Thượng Hà, xã Tân Dương, xã Xuân Hòa, xã Vĩnh Yên, xã Nghĩa Đô và xã Tân Tiến.

Nghĩa Đô là xã miền núi nằm ở vị trí phía Đông Bắc của huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, cách trung tâm huyện lỵ 28 km theo trục đường Quốc lộ 279. Vào khoảng thế kỷ XIII, vùng đất Nghĩa Đô có Thổ hào họ Ma người Tày đây binh nổi dậy liên kết với nghĩa quân các vùng chống quân Mông – Nguyên bảo vệ bờ cõi. Điều đó cho thấy đây là vùng đất đã có người cư trú từ rất sớm. Đến thế kỷ XIV, các tộc người vùng này chuyển đi nơi khác. Sang thế kỷ XV có 3 người từ vùng đất thuộc Hà Giang ngày nay đến đây tìm đất mới để sinh cơ lập nghiệp.

Đến đầu thế kỷ XVI, có một bộ phận người Việt từ vùng trung du theo chúa Bầu lên lập bản Doang ở Phúc Khánh (Phổ Ràng ngày nay), một cánh quân lên vùng đất phía Bắc (thuộc Nghĩa Đô ngày nay) để xây thành đề phòng quân xâm lược phương Bắc tràn xuống. Trong thời gian khoảng 30 năm đóng quân ở đây, người Việt đã khai khẩn đất đai ở các thung lũng, sản xuất lương thực phục vụ cho quân lính tại chỗ. Số quân của chúa Bầu một phần lấy vợ Tày, phần kết nghĩa anh em với người Tày ở đây, khi mà chúa Bầu rút đi họ ở lại đây sinh sống chung với người bản địa.

Vào thế kỷ XV đến thế kỷ XVII, vùng đất Nghĩa Đô có tên là Bản Luông, rồi Mường Luông, ranh giới gồm xã Nghĩa Đô và Làng Hạ (xã Vĩnh Yên ngày nay).

Sang đầu thế kỷ XIX, Bản Khuông lại trở thành một vùng đất đông đúc dân cư, các bản hồi sinh trở lại. Sau đó, Bản Khuông không chỉ còn là một bản nữa, mà lại chuyển thành Mường, gọi là Mường Khuông. Năm Đinh Mùi 1846, người dân Mường Khuông lên bản

Trung Đò Bảo Nhai xin đền về lập ở Mường. Sau 3 lần đi đến năm Kỷ Dậu 1849 mới xin được. Sau nhiều lần đất đền không thành, đến ngày 14 tháng 7 năm Canh Tuất 1850, ngôi đền mới được khánh thành, là nơi thờ Vũ Công Uyên, Vũ Công Mật và Vũ Công Kỳ. Tên đền được chọn là Đền Nghĩa Đò, cùng với đó đổi tên Mường Khuông thành Mường Nghĩa Đò. Tên gọi Nghĩa Đò bắt đầu từ đó. Đến tháng 7 - 1887, thực dân Pháp chiếm Lục Yên và thiết lập bộ máy cai trị mới ở khu vực này. Trên cơ sở của bộ máy cai trị của chính quyền phong kiến cũ, thực dân Pháp đổi tên Mường Nghĩa Đò thành tổng Nghĩa Đò có địa giới gồm ba xã là: Xã Tiên Triến, xã Nghĩa Đò và xã Vĩnh Yên và thôn Vị Thượng của xã Xuân Hòa ngày nay.

2.2.2. Điều kiện tự nhiên của xã Nghĩa Đò

Xã Nghĩa Đò, nằm ở phía Đông Bắc huyện Bảo Yên, cách trung tâm huyện khoảng 28km. Phía Đông giáp xã Yên Thành (huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang). Phía Tây giáp xã Bản Cài (huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai). Phía Nam giáp xã Vĩnh Yên (huyện Bảo Yên). Phía Bắc giáp xã Tân Tiến (huyện Bảo Yên).

Địa hình xã Nghĩa Đò khá phức tạp, trong đó địa hình núi cao là dạng địa hình chính, chiếm phần lớn diện tích đất đai của xã. Cảnh cung phía Tây Nam, Tây, Tây Bắc kéo dài từ điểm cao tiếp giáp 4 xã (Nghĩa Đò, Vĩnh Yên, Xuân Hòa, Bản Cài) đến đỉnh núi giáp xã Tân Tiến kéo dài hơn 10km, là khu vực núi liên mạch cao từ 800m đến 1.000m, có đỉnh Tham Thầu cao 1.142m. Các dãy núi phía Tây tạo thành lá chắn khổng lồ ôm gọn lấy lòng chảo Nghĩa Đò.

2.2.3. Một số nét chính về kinh tế - xã hội xã Nghĩa Đô

Trong tổng số 3.409,74ha đất lâm nghiệp, diện tích đất rừng là 1.906,30ha, chiếm tới 49,46% tổng diện tích đất tự nhiên. Độ che phủ rừng trên địa bàn Nghĩa Đô khoảng 43%. Trong tổng số 264,85ha đất phi nông nghiệp thì diện tích đất ở (đất thổ cư) là 30,90ha, đất chuyên dùng là 61,33ha, đất nghĩa trang và nghĩa địa là 12,29ha, đất mặt nước là 160,33ha. Rừng và đất rừng ở Nghĩa Đô.

Tiểu kết

Là một dân tộc có dân số đông thứ hai sau người Kinh trong các cộng đồng dân tộc ở Việt Nam. Người Tày cư trú nhiều tỉnh khác nhau, trong đó phần đông ở khu vực Đông Bắc Việt Nam. Ở xã Nghĩa Đô của huyện Bảo Yên thuộc tỉnh Lào Cai, người Tày là dân tộc không chỉ chiếm đa số về mặt dân số, mà còn là chủ nhân khai phá và xây dựng vùng đất Nghĩa Đô.

Xét về mặt kinh tế, các hoạt động kinh tế của người Tày ở Nghĩa Đô trong truyền thống và hiện nay vẫn là một nền kinh tế kết hợp của nhiều hoạt động sinh kế khác nhau, bao gồm canh tác lúa nước, hoa màu, rừng, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

Với số lượng dân cư chiếm đa số cộng đồng các dân tộc trong xã làm cho những đặc tính Tày không chỉ được thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế mà còn được thể hiện ở trong văn hóa tộc người. Bên cạnh những nét văn hóa Tày nói chung ở Việt Nam, người Tày ở Nghĩa Đô có một số nét riêng như trang phục, ngôn ngữ...

CHƯƠNG 3: CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN Ở XÃ NGHĨA ĐỒ, HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy từ cuối những năm 1990 đến năm 2010, Nghĩa Đô đã tiếp nhận hàng loạt dự án phát triển thuộc các lĩnh vực và nguồn ngân sách khác nhau, trong đó nổi bật có Chương trình xóa đói giảm nghèo 135; Dự án 134 về xây dựng “hệ thống nước sạch”; Dự án 136 nhằm “cải thiện cung cấp lương thực”; Dự án 661 về việc “Trồng rừng, rừng miền núi”; Dự án 327 về “Trồng rừng, rừng đầu nguồn, rừng che phủ”.... Ngoài ra, còn có một số dự án quốc tế; các dự án của tỉnh đề tổ chức những sự kiện du lịch quy mô lớn và đề bảo tồn di sản văn hóa các dân tộc, các dự án của các tổ chức phi chính phủ khi các tổ chức này đã có mặt và được thực hiện trên địa bàn Nghĩa Đô.

3.1. Chương trình 135

Chương trình 135 viết đầy đủ là Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc, miền núi, biên giới và vùng sâu vùng xa được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 135/1998/Q Đ – TTg ngày 31 – 07 – 1998. Chương trình này cho đến nay gồm có hai giai đoạn mà sau đây tôi viết tắt là Chương trình 135I (Chương trình 135 giai đoạn I) và Chương trình 135II (Chương trình 135 giai đoạn II).

3.1.1. Chương trình 135I

Chương trình 135I được thực hiện từ năm 1998 đến năm 2005. Trên phạm vi cả nước, Chương trình 135I được thực hiện ở 2.410 xã

của 52 tỉnh, trong đó có 1.938 xã thuộc khu vực 3; 389 xã biên giới; 83 xã thuộc ‘An toàn khu’. Mục tiêu tổng quát của Chương trình 1351 là nhằm “Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện để đưa nông thôn các vùng này ra khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển, hòa nhập vào phát triển chung của cả nước, góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc phòng, Chương trình 1351 và II có 4 hợp phần chính là: Cơ sở hạ tầng; Đào tạo nâng cao năng lực; Hỗ trợ sản xuất, trợ giúp thông tin; và Hỗ trợ đời sống. Ở xã Nghĩa Đô, Chương trình 1351 tập trung chủ yếu vào hợp phần thứ nhất là xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng bao gồm cầu, đường, thủy lợi, nước sạch.

3.1.1.1. Xây dựng hệ thống cầu

Có thể nói, với nguồn kinh phí từ Chương trình 1351, chính quyền xã Nghĩa Đô đầu tư nhiều vào hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm cải thiện trực trạng cơ sở hạ tầng rất yếu kém của một xã rộng. Tuy nhiên, với tổng 16 (thôn) bản,⁴ việc đầu tư này ở giai đoạn I được tập trung vào những điểm yếu nhất song lại cần nhất ở địa phương.

3.1.1.2. Nâng cấp các tuyến đường giao thông

Trong khuôn khổ Chương trình 1351, bên cạnh việc xây dựng mới hệ thống cầu nối trên, một loạt các tuyến đường huyết mạch như

⁴ Ở đây tôi dùng ‘thôn’ và ‘bản’ thay thế cho nhau. ‘Thôn’ là đơn vị hành chính dưới xã chính thức được sử dụng trong các văn bản của Nhà nước, còn ‘bản’ là đơn vị cư trú truyền thống mà người dân quen dùng. Hiện nay cư dân người Tày ở Nghĩa Đô vẫn sử dụng hai khái niệm này trong cuộc sống hàng ngày, mà không phân biệt rạch ròi như chúng tôi nói ở trên.

các tuyến đường liên bản, liên xã và liên huyện trên địa bàn xã Nghĩa Đô cũng được song song tiến hành mở rộng, nâng cấp, hoặc làm mới tạo nên một hệ thống các tuyến đường giao thông thông suốt từ trung tâm xã đến các bản trong địa bàn xã trên địa phận xã Nghĩa Đô và giữa Nghĩa Đô với khu vực xung quanh.

3.1.1.3. Xây dựng và nâng cấp hệ thống thủy lợi

Bên cạnh việc đầu tư hệ thống giao thông, xã Nghĩa Đô cũng lập quy hoạch xây dựng và kiên cố hóa hệ thống thủy lợi phục vụ phát triển sản xuất lúa nước. Kết quả là trong khoảng thời gian 6 năm, hệ thống thủy lợi chính của xã Nghĩa Đô đã được kiên cố hóa bằng hệ thống kênh mương, chủ động và đảm bảo tưới nước tiêu cho 74% diện tích đồng ruộng trên toàn xã. Cùng với việc phát triển hệ thống thủy lợi, một số dự án cung cấp nước sạch cho người dân cũng được triển khai ở một số bản, đặc biệt là khu vực trung tâm xã.

3.1.1.4. Phát triển sản xuất và đào tạo nghề

Xã Nghĩa Đô đã thực hiện quy hoạch sản xuất nhằm phát triển ngành nghề nông thôn, ổn định phát triển sản xuất gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm. Nhờ kinh phí đầu tư và hỗ trợ từ Chương trình 1351 kết hợp với một số nguồn kinh phí khác, chính quyền xã đã đầu tư công cụ sản xuất cho một số hộ gia đình, gồm máy sao chẻ, máy xay xát, máy nghiền, máy tẽ hạt ngô..., cung cấp miễn phí các loại giống cây trồng như: ngô, lúa lai, đậu tương; cung cấp một số giống vật nuôi như: lợn nái, bò lai sim, gà thả vườn, cá rô phi, dế, v.v.; cung cấp các loại phân bón NPK, thuốc thú y.

3.1.2. Chương trình 135II

Chương trình 135II là phần tiếp theo của Chương trình 135I. Mục tiêu của Chương trình 135II cơ bản không có gì thay đổi so với Chương trình 135I vẫn là nhằm hỗ trợ các xã khó khăn phát triển qua đó xóa đói giảm nghèo. Thời gian triển khai của Chương trình 135II là từ năm 2006 đến năm 2010. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình 135II vẫn chủ yếu là từ nguồn ngân sách Nhà nước với vốn ODA do Chính phủ vay của các tổ chức quốc tế và của nước ngoài.

3.1.3. Một số tồn tại hạn chế Chương trình 135

Thành tựu đã đạt được là cơ bản, nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau, còn có một số tồn tại hạn chế trong việc thực hiện Chương trình 135. Một số mục tiêu cơ bản quan trọng của Chương trình 135 chưa đạt được, cụ thể là tỉ lệ hộ nghèo ca, khoảng cách chênh lệch phát triển còn rất lớn, còn nhiều bản chưa thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, vẫn còn nhiều người dân chưa được tiếp thu kỹ thuật sản xuất mới, chậm thay đổi tập quán sản xuất. Về tổ chức thực hiện, Chương trình tại Nghĩa Đô còn thiếu cơ chế khuyến khích, bộ máy chỉ đạo còn nhiều đầu mối, chậm ban hành quy định quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng các công trình sau khi nghiệm thu. Trong quá trình thực hiện các dự án và công tác quản lý, còn nặng về đầu tư xây dựng hạ tầng, nhiệm vụ phát triển sản xuất, quy hoạch dân cư và đào tạo cán bộ chưa được quan tâm đúng mức.

3.2. Chương trình 134

Chương trình 134 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg. Mục tiêu của Chương trình 134 là

nhằm hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

3.3. Dự án 661 và Dự án 327⁵ “Trồng rừng, rừng đầu nguồn, rừng che phủ”.

Dự án 661 là một chương trình quốc gia nhằm trồng 5 triệu ha rừng. Dự án này được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn năm 1997 theo Nghị Quyết số 08/1997. Sau đó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ký Quyết Định số 661/QĐ – TTg ngày 29/7/1998 chỉ đạo việc thực hiện dự án này, chính vì thế nó thường được gọi là Dự án 661.

3.4. Một số dự án khác

Ngoài những dự án phát triển quan trọng nêu trên, trong thời gian hơn 10 năm qua, Nghĩa Đô còn được thụ hưởng một số dự án phát triển khác từ các nguồn kinh phí khác nhau, bao gồm cả các dự án có kinh phí nước ngoài. Thứ nhất Dự án của UNICEF về nước sạch.

Triều kết

Có thể nói, trong hơn 10 năm vừa qua, là một xã miền núi với tổng dân số là 4950 nhân khẩu, trong đó dân tộc Tày chiếm đa số ở khu vực miền núi vùng cao phía Bắc Việt Nam, Nghĩa Đô đã được thụ hưởng một loạt các dự án phát triển với nguồn kinh phí lên tới hàng chục tỷ đồng. Chẳng hạn như đầu tư cho giao thông từ năm 1998 đến năm 2010 là 7.964 triệu với gần 20 công trình đường giao thông (gồm cầu và đường) thuộc các tuyến đường quốc lộ, liên xã và

⁵ Dự án 327 có mặt tại Nghĩa Đô từ năm 1990 được chia làm hai giai đoạn. Giai đoạn 1 từ năm 1990 đến năm 1996. Giai đoạn hai từ năm 1996 đến nay.

liên ban; đầu tư cho giáo dục với khoản kinh phí hơn 10 tỷ đồng; xây mới trường cấp hai và cấp 1 trên 3 tỷ đồng, v.v.

Các dự án này tập trung vào xây dựng, nâng cấp và thúc đẩy phát triển các lĩnh vực cơ bản của Nghĩa Đô trong đó quan trọng nhất là xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, phát triển giáo dục, đào tạo cán bộ, v.v. Mục đích chung của tất cả các dự án phát triển này là tạo đà thúc đẩy sự phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần quan trọng vào việc xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng dân cư khu vực miền núi.

Đặc biệt, với tham vọng xây dựng khu trung tâm xã Nghĩa Đô thành một thị tứ, một thị trấn, chính quyền các cấp đã đầu tư xây dựng trung tâm cụm xã Nghĩa Đô lên tới 2.388 triệu đồng, đồng thời mở rộng và liên thông các tuyến đường giao thông từ các bản, các xã lân cận tới khu vực trung tâm này, làm xuất hiện một quá trình đô thị hóa đã và đang diễn ra ở khu vực này.

CHƯƠNG 4: QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở XÃ NGHĨA ĐÔ, HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LAO CẠI

4.1. Mục tiêu xây dựng và phát triển khu trung tâm xã Nghĩa Đô

Năm 1998 UBND tỉnh Lào Cai đã quyết định phê duyệt dự án xây dựng trung tâm cụm xã, xã Nghĩa Đô huyện Bảo Yên với tên dự án quy hoạch xây dựng trung tâm cụm xã, xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên. Do UBND huyện Bảo Yên làm chủ dự án. Địa điểm quy hoạch tại xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên với diện tích quy hoạch là 30 ha.

Mục đích xây dựng trung tâm cụm xã có 2 mục tiêu chính:

- Mục tiêu thứ nhất là về lĩnh vực kinh tế. Mục tiêu xây dựng trung tâm cụm xã Nghĩa Đô làm hạt nhân thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội, thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cụm. Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu về kinh tế xã hội, đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật, hoạt động thông tin kinh tế văn hóa, xã hội và chính trị đến đồng bào các dân tộc trong cụm.

- Mục tiêu thứ hai là về môi trường xã hội. Tạo dựng trung tâm kinh tế văn hóa dịch vụ của khu vực, là đầu mối giao lưu, phổ biến, chỉ đạo các mặt về sản xuất, đời sống xã hội, giao thông, thương mại, trao đổi mua bán sản phẩm thông tin liên lạc, nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống cho nhân dân. Mục tiêu quy hoạch tạo nên động lực quan trọng giữ vững nhịp độ phát triển kinh tế quốc dân. Tạo diện mạo kiến trúc đô thị mới phù hợp với cảnh quan, không gian tại địa bàn.

4.2. Quá trình xây dựng khu trung tâm xã Nghĩa Đô

4.2.1. Sự phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng là tổng thể các công trình vật thể kiến trúc và các yếu tố vật chất đảm bảo hoạt động của một thành phố hay một địa phương hoặc một công đồng nào đó. Cơ sở hạ tầng có thể chia thành hai nhóm lớn: cơ sở hạ tầng sản xuất gồm các công trình cần thiết cho các quá trình sản xuất ra của cải vật chất như nhà xưởng, hệ thống giao thông, liên lạc, cấp nước, thoát nước, v.v.; cơ sở hạ tầng xã hội phục vụ đời sống dân cư như nhà ở, bệnh viện, trường học, các cơ sở văn hoá, dịch vụ, đời sống, v.v.

4.3. Sự hình thành một thị tứ ở khu vực miền núi vùng cao

4.3.1. Một trung tâm hành chính, văn hóa và giáo dục

Việc quy hoạch lấy trung tâm xã Nghĩa Đô làm trung tâm cụm kinh tế - xã hội của ba xã Tân Tiến, Vĩnh Yên và Nghĩa Đô của chính quyền huyện Bảo Yên và tỉnh Lào Cai là cơ sở pháp lý để chính quyền huyện và xã đầu tư một số vốn lớn xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ở khu trung tâm và kết nối khu trung tâm xã với các bản trong xã Nghĩa Đô và ở hai xã lân cận.

4.3.2. Một trung tâm kinh tế, thương mại và dịch vụ

Trước những năm 1990 Nghĩa Đô hoạt động kinh tế của các hộ gia đình người Tày chủ yếu là canh tác ruộng nương và khai thác các nguồn lâm sản từ rừng. Sản xuất, trao đổi và tiêu thụ của con người ở đây mang nặng tính tự cung tự cấp. Tuy nhiên, sau khi khu trung tâm xã được xây dựng, đặc biệt là sự hình thành của một chợ trung tâm cụm xã công với việc hình thành hệ thống cơ sở hạ tầng

của các cơ quan như đã nêu, biến khu trung tâm này thành một nơi diễn ra nhiều hoạt động kinh tế, trao đổi và dịch vụ. Hiện nay, chợ trung tâm Nghĩa Đô không chỉ họp ngày chủ nhật hàng tuần. Do sự phát triển kinh tế, thương mại và nhu cầu của người dân ngày càng nhiều.

4.3.3. Sự tập trung dân cư

Hiện nay, khu vực nằm trong quy hoạch trung tâm cụm kinh tế - xã hội xã Nghĩa Đô với diện tích 30ha gồm toàn bộ bản Nà Đình, một phần bản Nà Khương và bản Rĩa. Nếu như năm 1994 khu vực này mới chỉ có 6 hộ gia đình sinh sống, thì đến năm 2002 là 34 hộ và đến đầu năm 2011 là 119 hộ với dân số 400 nhân khẩu, chưa tính các hộ gia đình giáo viên và số học sinh thuê nhà trọ học ở khu vực này.

4.3.4. Một số tác động

Dưới tác động của các dự án phát triển đã và đang hình thành một quá trình đô thị hóa diễn ra ở khu vực trung tâm xã Nghĩa Đô. Quá trình đô thị hóa ở đây đã xuất hiện và làm thay đổi các khía cạnh kinh tế – văn hóa – xã hội,... của người dân nơi đây, trong đó sự biến đổi chủ yếu diễn ra ở khu vực trung tâm xã Nghĩa Đô, nơi có sự tập trung dân cư.

Tiêu kết

Có thể nói, với mục tiêu được áp từ bên ngoài vào, thông qua hàng loạt các dự án phát triển được thực hiện trong hơn 10 năm qua, mục tiêu quy hoạch, xây dựng và phát triển một khu trung tâm ở xã Nghĩa Đô trở thành một thị tứ, rồi thành một thị trấn đang dần dần thành hiện thực. Quá trình này được thực hiện trước hết là bằng việc

quy hoạch và triển khai các dự án xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, gồm trường học, chợ, đường giao thông, trụ sở làm việc, bệnh viện, v.v. làm cho cơ sở hạ tầng của khu trung tâm hình thành, tạo điều kiện quan trọng cho sự tập trung dân cư và cho các hoạt động hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục và các khía cạnh khác ở khu vực này.

Tất cả các yếu tố đó làm hình thành và phát triển một quá trình mà trong luận văn này chúng tôi gọi là quá trình đô thị hóa và sản phẩm trực tiếp của nó là một khu trung tâm xã, hoặc có thể coi là một thị tứ của khu vực ba xã miền núi vùng cao. Quá trình đô thị hóa này diễn ra chưa đủ mạnh đến mức biến nơi đây thành một thị trấn, hoặc một thành phố nhỏ, mà cho đến nay mới chỉ dừng lại ở chỗ hình thành một thị tứ, nơi chúng ta thấy hiện hữu tính đô thị được thể hiện ở cấu trúc không gian, hệ thống cơ sở hạ tầng, các hoạt động sinh kế, cấu trúc và quy mô dân cư, lối sống, v.v.

KẾT LUẬN

1. Dù trên phạm vi cả nước, người Tày được xếp vào nhóm các ‘dân tộc thiểu số’, nhưng ở phạm vi xã Nghĩa Đô thì người Tày là dân tộc đa số trong cộng đồng các tộc người cư trú trên địa bàn xã. Chính vì thế, người Tày và văn hóa, kinh tế và xã hội của họ đóng vai trò chủ đạo trong việc tạo nên những đặc điểm tộc người, kinh tế văn hóa và xã hội của xã Nghĩa Đô trong truyền thống và hiện đại.

2. Là một trong 17 xã của huyện Bảo Yên thuộc tỉnh Lào Cai, địa bàn cư trú của cư dân ở Nghĩa Đô có địa hình nằm trong các thung lũng chạy dọc theo những suối lớn nhỏ. Cơ cấu kinh tế của

người dân chủ yếu là nông nghiệp và lâm nghiệp. Trong truyền thống cuộc sống của người Tày nói riêng và các dân tộc ở Nghĩa Đô nói chung còn nhiều khó khăn, mang nặng tính tự cung tự cấp, vì thế tỷ lệ đói nghèo cao.

3. Trong số các xã được thụ hưởng, Nghĩa Đô là một địa phương trong vòng hơn 10 năm vừa qua đã được thụ hưởng một loạt các dự án phát triển với nguồn kinh phí lên tới hàng chục tỷ đồng. Nổi bật nhất là Chương trình 135I và II, Chương trình 134, quy hoạch và phát triển khu trung tâm xã, v.v.

4. Tất cả các dự án phát triển này cuối cùng là tạo đà thúc đẩy sự phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần quan trọng vào việc xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng dân cư ở Nghĩa Đô. 5. Đặc biệt, dưới tác động của các dự án phát triển mà trực tiếp là việc quy hoạch và phát triển một khu trung tâm xã Nghĩa Đô thành một trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục và thương mại cùng với việc nâng cấp, mở rộng hệ thống các tuyến đường giao thông từ các bản, các xã lân cận tới khu vực trung tâm này, làm xuất hiện một quá trình đô thị hóa đã và đang diễn ra ở khu vực này.

6. Quá trình đô thị hóa diễn ra ở đây được thể hiện một số điểm sau. Thứ nhất là sự hình thành và phát triển của một hệ thống cơ sở hạ tầng ở khu trung tâm xã, là một trong những tiền đề quan trọng làm biến đổi không gian ở khu vực này theo hướng đô thị. Thứ hai là với sự hình thành và phát triển của một loạt công trình được xây dựng như chợ, phòng khám đa khoa, trụ sở làm việc của chính

quyền địa phương, trường học các cấp, đường xá, v.v. Thứ ba, chính từ đó làm hình thành một quá trình tụ cư ở khu vực trung tâm xã, làm cho dân số ở đây ngày càng đông hơn, trong đó người Tày và người Kinh chiếm số đông.

Trong khi quá trình tụ cư hay tập trung dân cư ở khu vực trung tâm ngày càng đông hơn, thì chúng ta cũng thấy kiến trúc và phân nào là cách sắp xếp và bố trí một số hoạt động sống trong khuôn khổ gia đình của các hộ gia đình người Tày ở khu trung tâm đã khác với lối sống mang nhiều tính truyền thống hơn của người Tày ở các bản.

Tóm lại, dưới tác động của hàng loạt các dự án phát triển và với mục tiêu được áp từ bên ngoài vào, trong hơn 10 năm qua, một quá trình đô thị hóa đã và đang diễn ra ở khu trung tâm xã Nghĩa Đô mà sản phẩm trực tiếp của nó là một khu trung tâm xã, hoặc có thể coi là một thị tứ của khu vực ba xã miền núi vùng cao. Quá trình đô thị hóa này diễn ra chưa đủ mạnh đến mức biến nơi đây thành một thị trấn, hoặc một thành phố nhỏ, mà cho đến nay mới chỉ dừng lại ở chỗ hình thành một thị tứ, nơi chúng ta thấy hiện hữu tính đô thị được thể hiện ở cấu trúc không gian, hệ thống cơ sở hạ tầng, các hoạt động sinh kế, cấu trúc và quy mô dân cư, lối sống, v.v. Đây là một quá trình đô thị hóa được hình thành và phát triển dưới tác động của các dự án phát triển, chứ không phải xuất phát từ những động năng bên trong của cộng đồng địa phương. Chúng tôi tiên đoán rằng quá trình đô thị hóa ở khu vực này của xã Nghĩa Đô còn tiếp diễn với tốc độ ngày càng nhanh và mạnh hơn.